

Số: 998 /BC-LHH

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO PHẢN BIỆN

“Quy định quản lý Chương trình hỗ trợ tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa”

Thực hiện Công văn số 1197/UBND-NN ngày 20/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá thực hiện nhiệm vụ phản biện các đề án, cơ chế, chính sách, quy định, định mức, kế hoạch năm 2023; trong đó có “*Quy định quản lý Chương trình hỗ trợ tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa*” (sau đây viết tắt là Quy định); ngày 04/4/2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 523/SKHCN-TLĐMST đề nghị phản biện kèm theo theo dự thảo Quy định và các tài liệu có liên quan, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá (Liên hiệp hội) đã nghiên cứu lựa chọn chuyên gia, quyết định thành lập Hội đồng phản biện và tổ chức triển khai các bước của quy trình phản biện theo quy định.

Hội đồng khoa học phản biện Liên hiệp hội đã họp và thống nhất thông qua báo cáo phản biện, xin báo cáo kết quả như sau:

I. CÁC NỘI DUNG ĐẠT ĐƯỢC:

Báo cáo xây dựng Quy định và nội dung dự thảo Quy định được nghiên cứu xây dựng công phu, đã cơ bản bám sát vào Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh; Thông tư số 03/2021/TT-BKCN ngày 11/6/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) và các văn bản có liên quan.

Dự thảo Quy định có 6 chương 39 điều, bố cục đi từ quy định chung đến quy định về điều khoản thi hành; kết cấu các chương và nội dung bám sát theo trật tự thời gian, công đoạn các công việc từ khi xây dựng, đề xuất nhiệm vụ đến khi kết thúc, nghiệm thu nhiệm vụ. Dự thảo Quy định cũng đã thể hiện rõ và đúng tinh thần ngôn ngữ quy phạm pháp luật của một quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN (đề tài, đề án, dự án) hiện nay của nhà nước. Như vậy, về mặt bố cục và kết cấu của Quy định là hợp lý, phù hợp với một văn bản quy phạm pháp luật. Ngoài Chương I. Quy định chung và Chương VI. Điều khoản thi hành được thiết kế theo thông lệ, Dự thảo Quy định đã bám sát các công việc theo trật tự và tiến triển thời gian (các công việc hành chính, chuyên môn và các công việc của ba Hội đồng và cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến quản lý nhiệm vụ KH&CN) để đưa ra nội dung các chương phù hợp với thực tế diễn biến quá trình triển khai nhiệm vụ. Như vậy sẽ có Chương II. Xây dựng, xác định và phê duyệt nhiệm vụ; Chương III. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ; Chương IV. Ký Hợp đồng, kiểm tra và điều chỉnh trong quá trình triển khai nhiệm vụ; Chương V. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ. Kết cấu các chương từ Chương I đến Chương VI như vậy phù hợp và đảm bảo tính logics theo thời gian và trật tự công việc quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Tuy nhiên, tên gọi, nội dung trong một số khoản, điều cần được nghiên cứu để quy định sát với thực tiễn và khả năng áp dụng trong tỉnh, tránh máy móc áp dụng quy định chung của Trung ương đối với các nhiệm vụ sở hữu trí tuệ cấp quốc gia. Nhiều nội dung được thiết lập trong các khoản, điều và chương trong dự thảo cần được nghiên cứu sửa lại cho chính xác về khái niệm, nội hàm và cụ thể đối với văn bản của tỉnh; tránh dẫn chiếu các nội dung áp dụng trong các quy định của Bộ KH&CN, trong Nghị định của Chính phủ mà trong đó có nội dung quy định vượt khỏi đối tượng và phạm vi áp dụng của Quy định này.

II. NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHỈNH SỬA, BỔ SUNG:

1. Về tên gọi và phạm vi áp dụng của Quy định: Ngày 05/11/2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4408/QĐ-UBND về “Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 – 2025” nhằm thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh. Để hướng dẫn thực hiện Chiến lược và Chương trình của Chính Phủ, ngày 11/6/2021, Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN “Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030”. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 “Điều khoản thi hành”, quy định: Ủy ban nhân cấp tỉnh căn cứ vào các quy định tại Thông tư này để áp dụng hoặc ban hành văn bản hướng dẫn triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc Chương trình phù hợp với Thông tư và các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ”. Vì vậy, việc UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định của Bộ KH&CN.

Tuy nhiên, có một số vấn đề bất cập cần được nghiên cứu kỹ hơn để quyết định cho chính xác tên và nội hàm của Quy định này:

1.1. Về tên của quy định:

- Theo Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 20/01/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa thì tên nhiệm vụ là “Quy định quản lý chương trình hỗ trợ tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa”, không kèm theo thời gian thực hiện; trong khi đó tên của dự thảo gửi đề nghị phản biện lại là “Quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”. Ở Trung ương khi hướng dẫn thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ thì Bộ KH&CN ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN hướng dẫn về Quy định quản lý “Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030” theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đối với tỉnh ta do việc triển khai văn bản quy định về sở hữu trí tuệ chậm nên đến nay Quy định này mới đang trong giai đoạn dự thảo và thời hạn thực hiện Quy định như dự thảo không tương ứng với thời hạn thực hiện Chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt. Chính phủ thì quyết định Chương trình đến năm 2030, trong khi đó Sở KH&CN trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình đến 2025 (Nội dung này trong Báo cáo phản biện số 505/BC-LHH ngày 13/8/2021 của Liên hiệp hội phản biện “Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2021 – 2025” đã kiến nghị xác định giai đoạn thực hiện là 2021-2030 hoặc đến năm 2030).

- Theo thông tư số 03/2021/TT-BKHCN thì nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm các nhiệm vụ thường xuyên và các nhiệm vụ KH&CN: (1). *Nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình bao gồm:* a) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới; b) Biên soạn, phát hành tài liệu về sở hữu trí tuệ; c) Vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ; (2). *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình:* Là các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN của Nhà nước thông qua tuyển chọn hoặc giao trực tiếp. Như vậy dự thảo Quy định thiếu hẳn nội dung (1). *Nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình. Đề nghị cần phải bổ sung.*

1.2. Đối tượng áp dụng: Cần phải bao quát được toàn bộ các đối tượng mà Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đã được UBND tỉnh ban hành, không chỉ giới hạn phạm vi đối tượng đối với “*Nhiệm vụ khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030*” như dự thảo. Thời gian thực hiện Chương trình chỉ còn gần 3 năm (2023-2025). Vì vậy, nếu xác định thời gian thực Quy định đến năm 2030 thì đến năm 2026 UBND tỉnh cần ban hành “Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, giai đoạn 2026-2030” cho phù hợp với quy định về thời gian như quy định dự thảo. Vậy đặt ra là: Có nên xác định thời gian thực hiện quy định này hay không vì có sự bất cập trong các văn bản đã ban hành và văn bản này; đây là vấn đề đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xử lý và báo cáo UBND tỉnh quyết định để đảm bảo khắc phục sự khập khiễng trên.

Từ các vấn đề nêu trên nếu UBND tỉnh ban hành Quy định thì cần bao hàm để thực hiện đối với tất cả các đối tượng đã được quy định trong Chương trình nêu trong Quyết định 4408/QĐ-UBND và tên của Quy định là “*Quy định về quản lý chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030*”. Khi triển khai nhiệm vụ của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh sẽ áp dụng theo Khoản 2 Điều 45 của Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN. Nội dung được trình bày trong dự thảo Quy định chỉ cần thể hiện dưới hình thức văn bản “*Hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh*” chỉ cần rà soát và bổ sung các nội dung cần phải điều chỉnh mà trong các quy định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành chưa có, như tại các quyết định: Quyết định số 5618/2015/QĐ-UBND, Quyết định số 202/2015/QĐ-UBND, Quyết định số 204/2015/QĐ-UBND, Quyết định số 205/2015/QĐ-UBND, Quyết định số 4715/2016/QĐ-UBND, Quyết định 2219/2017/QĐ-UBND... Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào Báo cáo xây dựng Quy định những lý giải làm rõ vấn đề này.

2. Về Báo cáo xây dựng “Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”

2.1. Về bố cục: Cần bố cục lại thành 2 phần, gồm: Phần 1. Thực trạng công tác quản lý chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; Phần 2. Dự thảo “Quy định quản lý Chương trình hỗ trợ tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa”, phần này bao gồm các mục: Sự cần thiết; căn cứ pháp lý; Dự thảo “Quy định quản lý Chương trình hỗ trợ tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa” (gồm 6 chương, 39 điều). Các mục I, II, III của Báo cáo không logic với bố cục của báo cáo.

2.2. Về nội dung:

- Sự cần thiết ban hành Quy định này hiện nay đã tới mức cấp thiết vì về mặt pháp lý, văn bản này cần ban hành ngay khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 05/11/2021, cũng như khi Bộ KH&CN ban hành Thông tư 03/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 và Bộ Tài chính ban hành Thông tư 75/TT-BTC ngày 9/9/2021. Thời điểm hiện nay (tháng 4/2023) ban hành là đã rất muộn.

- Thực trạng công tác quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa: Cần bám sát Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh để đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện chương trình theo mục tiêu (8 mục tiêu cụ thể) nội dung của chương trình (6 nội dung, trong đó nội dung 3.2: *Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước, với hình thức hỗ trợ: Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN hàng năm theo quy định hiện hành của pháp luật*). Cần đánh giá kỹ hơn về mặt tổ chức thực hiện, những khó khăn từ phía cơ quan quản lý và những khó khăn từ phía các tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách (thủ tục hành chính!). Đây là những cơ sở để đưa ra cơ chế quản lý nhiệm vụ KH&CN phát triển tài sản trí tuệ đơn giản, hiệu quả, phù hợp với đặc thù của tài sản trí tuệ.

+ Phần này nên tập trung đánh giá về “*Thực trạng công tác quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa*” đúng như tiêu đề tiểu mục 2.3. Các mục: 1. Các quy định quản lý của Trung ương; 2. Thực trạng việc ban hành Chương trình và quy định quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của các địa phương, chỉ nên đưa vào Mục “*Sự cần thiết; Căn cứ pháp lý*”; tài liệu của các tỉnh chỉ nên đưa vào chú thích hoặc phụ lục để tham khảo.

+ Bổ sung đánh giá về “*Thực trạng công tác quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thuộc Chương trình ban hành theo Quyết định số 4408/QĐ-UBND*” sau 2 năm 2021-2023 thực hiện (tại trang 6-8 báo cáo) với các nội dung: (1). *Đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương, sản phẩm làng nghề truyền thống và sản phẩm gắn với chương trình OCOP của tỉnh*; (2). *Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ*; (3). *Khai thác phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị. Giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm khai thác, phát triển giá trị các tài sản trí tuệ...**Hình thức:** Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN hàng năm theo quy định của pháp luật.*

Đến nay đã thực hiện được bao nhiêu nhiệm vụ KHCN, số kinh phí...? Việc đăng ký, xác định, phê duyệt, giao thực hiện nhiệm vụ, đánh giá, nghiệm thu thực hiện như thế nào khi chưa có quy định về quản lý chương trình này... Trong báo cáo chưa có đánh giá về nội dung này mà chỉ mới nêu tên các văn bản liên quan (trang 7).

- Về hình thức theo Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh mới chỉ được thực hiện "Thông qua các nhiệm vụ KH&CN hàng năm

theo quy định của pháp luật" cũng nên quan tâm, mở rộng bằng những hình thức khác. Trong thực tế, có những tổ chức, cá nhân không thực hiện đề tài nghiên cứu để có sản phẩm được bảo hộ nhưng trong quá trình sản xuất họ có thể có những sáng chế, giải pháp hữu ích cần được hỗ trợ để trở thành những sản phẩm được bảo hộ trí tuệ thì tỉnh cũng nên có những hình thức hỗ trợ khác chứ không nhất thiết phải thông qua đề tài khoa học. Đây sẽ là một kênh để hỗ trợ, tăng số lượng các sản phẩm trí tuệ được bảo hộ của tỉnh.

3. Về nội dung của Quy định

3.1. Chương I. Quy định chung

- Đề nghị bổ sung khái niệm sở hữu trí tuệ và tài sản trí tuệ để dễ hiểu, dễ áp dụng Quy định.

- *Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:*

+ Đề nghị ghép 2 nội dung của phạm vi điều chỉnh thành một khổ để chỉ rõ phạm vi điều chỉnh. Phạm vi điều chỉnh 2: Thay các cụm từ “của địa phương” bằng “của tỉnh”. Cần đặt cụm từ (gọi tắt là nhiệm vụ) ngay sau cụm từ “nhà nước” còn đặt cuối câu như dự thảo là không phù hợp vì “trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030” là 2 trạng từ chỉ địa điểm và chỉ thời gian (phạm vi áp dụng về thời gian) nên không thể nằm trong cụm từ gọi tắt là nhiệm vụ.

+ Đối tượng áp dụng: Đề nghị bổ sung đối tượng là “các cơ quan” vào trong đối tượng áp dụng của Quy định.

- *Điều 2. Nguyên tắc quản lý:* Đề nghị cần phải xác định lại nguyên tắc quản lý được nêu trong dự thảo. Đầu tiên là phải tuân thủ quy định về nguyên tắc quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hiện hành đã được UBND tỉnh ban hành và đang được tổ chức thực hiện. Cần bổ sung rõ tên các quyết định của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh đã được ban hành vào khoản 1. Cần xem lại các nguyên tắc 2 và 3 có cần thiết hay không vì các nội dung này có nội dung quy định đối với các nhiệm vụ của Chương trình ngoài các nhiệm vụ KH&CN.

- *Điều 3. Yêu cầu đối với các nhiệm vụ:*

+ *Khoản 1:* Đề nghị thay cụm từ “của ngành, lĩnh vực, địa phương” bằng “của tỉnh”. Vì viết là “của ngành, lĩnh vực, địa phương” đây là đối tượng mà Thông tư 03/2021/TT-BKHCN dùng để chỉ các bộ ngành ở Trung ương, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, địa phương là chỉ các tỉnh.

+ *Khoản 3:* Đề nghị sửa lại như sau: “Không trùng lặp với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia và nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh” vì đây là quy định về nhiệm vụ KH&CN, còn viết “Chương trình đã và đang thực hiện thì cần phải hiểu đó là chương trình gì; nếu viết nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thì đã bao gồm “đã và đang thực hiện”.

+ *Khoản 4:* Đề nghị xem xét lại việc quy định thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh mà “không quá 36 tháng” là quá dài, đề nghị chỉ nên quy định “không quá 24 tháng”. Theo Thông tư 03/2021/TT-BKHCN quy định đó là đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước và cấp bộ (do yêu cầu nhiệm vụ KH&CN mang hàm lượng khoa học cao hơn ở cấp tỉnh).

- *Điều 4. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ:*

+ Tại Khoản 1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

(i) *Đối với điều kiện tại điểm (a):* Đề nghị nghiên cứu lại điều kiện “có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ”, vì thực tế đối với cấp tỉnh nếu đối chiếu với nhiệm vụ thuộc Chương trình sẽ có rất ít tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện này; từ đó sẽ xảy ra tình trạng có nhiệm vụ cần thực hiện theo yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội nhưng không có tổ chức, cá nhân thực hiện. Nên quy định theo hướng “có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh”.

(ii) *Đối với điều kiện tại điểm (b):* Đề nghị bỏ cụm từ “nếu có” và cần khẳng định “Có khả năng huy động kinh phí đối ứng thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu” nhằm gắn trách nhiệm và quyền lợi của tổ chức và cá nhân được giao chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ.

(iii) *Đối với điều kiện quy định tại điểm (c): Không thuộc một trong các trường hợp quy định sau:* 04 trường hợp tổ chức không được giao chủ trì nhiệm vụ được cơ quan soạn thảo áp dụng đúng, đủ theo 04 trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2017/TT-BKH&CN. Tuy không sai nhưng chưa thể hiện được sự khác biệt về yêu cầu cơ quan chủ trì nhiệm vụ của Trung ương và của tỉnh. Vì thực tế có nhiều cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh không vi phạm 04 trường hợp quy định như trong dự thảo nhưng chất lượng các nhiệm vụ KH&CN đã được giao chủ trì thực hiện rất hạn chế, không mang lại hiệu quả. Đề nghị cần quy định thêm một số trường hợp không được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

+ Tại khoản 2. Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây: Các quy định về yêu cầu đối với chủ nhiệm nhiệm vụ trong Quy định dự thảo đều được vận dụng đúng và đầy đủ theo Thông tư số 03/2021/TT-BKH&CN. Tương tự như đối với tổ chức chủ trì, đề nghị nghiên cứu bổ sung các yêu cầu đối với chủ nhiệm nhiệm vụ, nhất là những quy định đối với người không được giao chủ nhiệm nhiệm vụ.

- *Điều 6. Thông tin và đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ:* Các nội dung trong điều này được áp dụng đúng theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 03/2021/TT-BKH&CN. Tuy nhiên, trong dự thảo rất nhiều điều, khoản, mục sử dụng cụm từ “Chương trình” thay cho tên của Quy định dự thảo nhưng trong tên quy định dự thảo lại không có cụm từ “Chương trình” dẫn đến khi áp dụng không rõ Chương trình là Chương trình nào. Đề nghị thay cụm từ “Chương trình” bằng cụm từ thích hợp với từng vấn đề được trình bày trong dự thảo.

3.2. Chương II. Xây dựng, xác định và phê duyệt nhiệm vụ

- *Điều 7. Đề xuất đặt hàng:* Phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 03/2021/TT-BKH&CN.

- *Điều 8. Xác định và phê duyệt danh mục nhiệm vụ:*

+ *Khoản 1:* Các nội dung quy định trong khoản này đã được cơ quan soạn thảo áp dụng cơ bản như khoản 1 Điều 14, Thông tư 03/2021/TT-BKH&CN. Tuy nhiên, cần phải làm rõ lý do vì sao trong Thông tư 03/2021/TT-BKH&CN quy định là 7 ngày còn trong Quy định dự thảo lại quy định 30 ngày, như vậy quy định quá khác biệt với quy định của Bộ KH&CN. Hội đồng phản biện đề nghị chỉ quy định tối đa không quá 15 ngày là phù hợp với tình hình của tỉnh.

+ *Khoản 2*: Tương tự như ở khoản 1, các nội dung quy định trong khoản này đã được cơ quan soạn thảo áp dụng cơ bản như khoản 1 Điều 14, Thông tư 03/2021/TT-BKHHCN. Tuy nhiên, việc quy định như dự thảo là không thực tế và không phù hợp với điều kiện của tỉnh ta; thực tế việc tổ chức hội đồng tư vấn nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh mà hiện nay đang triển khai ở cấp tỉnh. Đề nghị nghiên cứu về việc quy định số lượng thành viên hội đồng tư vấn là từ 5 -7, không cơ cấu phó chủ tịch hội đồng như các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đã và đang thực hiện. Về yêu cầu đối với thành viên hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ cần được xác định lại cho phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, tránh tình trạng quy định chỉ thể hiện trên giấy, thực tế không thể tìm được những thành viên đảm bảo yêu cầu như dự thảo, cần phải sử dụng đúng thuật ngữ nhà nước quy định đối với các chức danh chuyên gia (là chuyên gia về sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của nhiệm vụ...).

+ *Khoản 3*: Dự thảo quy định đúng theo nội dung quy định của Thông tư 03/2021/TT-BKHHCN. Trường hợp nếu cơ quan soạn thảo thống nhất với nội dung phản biện đối với khoản 2 Điều này thì cần sửa nội dung của khoản này cho phù hợp.

+ *Khoản 4*: Tương tự như các khoản 1, 2, 3 của dự thảo, cơ quan soạn thảo đã vận dụng theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN. Tuy nhiên, việc vận dụng các nội dung dẫn chiếu trong khoản 3 của Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN liên quan đến các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 18, Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước là không phù hợp với quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, nếu vận dụng dẫn chiếu phải là các khoản, điều được thông tư chỉ dẫn áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thì mới được áp dụng. Đề nghị nghiên cứu cách thể hiện khoản này cho phù hợp. Trong trường hợp nêu dự thảo áp dụng cách thể hiện dẫn chiếu như khoản này thì cần xem xét lại toàn bộ Quy định dự thảo để vừa đảm bảo tính thống nhất toàn bộ cách thức xây dựng và giảm bớt nội dung trình bày của Quy định. Đề nghị nên dẫn chiếu các quy định của UBND tỉnh đã ban hành về các nội dung liên quan đến hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hiện hành. Nghiên cứu thể hiện nội hàm được quy định cho đúng bản chất, tránh hiểu sai ý nghĩa của quy định trong khoản 4 Điều 14 Thông tư 03/2021/TT-BKHHCN: ở đây không đề cập đến “trường hợp cần thiết” mà đề cập đến vai trò của Chủ tịch hội đồng và ủy viên phản biện (ít nhất 01 ủy viên phản biện) thì trách nhiệm của Giám đốc Sở KH&CN tổ chức khảo sát thực địa, làm việc với đơn vị đề xuất nhiệm vụ và các đơn vị khác có liên quan để kiểm tra, đánh giá thông tin, số liệu nhằm xác định sự phù hợp của đối tượng, hình thức và tiêu chí bảo hộ; xác định nội dung, phương thức quản lý và phát triển tài sản trí tuệ phục vụ việc xem xét, đánh giá đề xuất nhiệm vụ (quy định của Thông tư 03/2021/TT-BKHHCN là hoạt động trên là để phục vụ xem xét, đánh giá của hội đồng chứ không phải là trước hoặc sau phiên họp là không phù hợp); ở đây không nên quy định: Trường hợp cần thiết và lấy ý kiến chuyên gia độc lập trong khoản này.

+ *Khoản 5*: Dự thảo đang áp dụng khoản 5 Điều 14 của Thông tư 03/2021/TT-BKHHCN là hoàn toàn không phù hợp với thực tế và các quy định hiện

hành của tỉnh ta. Đề nghị xây dựng lại cho phù hợp với tình hình thực tế và khả năng thực hiện của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ và Hội đồng KH&CN tỉnh để đề xuất cho phù hợp, tránh trường hợp đề ra nhưng không thực hiện được. Chỉ nên quy định sau bao nhiêu ngày làm việc (7 ngày chẳng hạn) kể từ ngày có kết quả làm việc của các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thì trình Hội đồng KH&CN tỉnh và sau bao nhiêu ngày làm việc của Hội đồng (VD sau 3 ngày) thì Sở KH&CN trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

3.3. Chương III. Tuyển chọn, giao nhiệm vụ trực tiếp

- *Điều 10. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ:* Thống nhất với các nội dung quy định tại điều này vì dự thảo đã áp dụng đúng theo hướng dẫn tại Thông tư 03/2021/TT-BKHCN.

- *Điều 11. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ:* Các nội dung quy định trong khoản này cần được thống nhất thành nội dung quy định được cụ thể hóa thành văn bản của tỉnh, không nên dẫn chiếu nội dung áp dụng văn bản của Bộ KH&CN sẽ dẫn đến sự thiếu thống nhất. Ví dụ: Điểm a Khoản 1 về “Tóm tắt hoạt động, lý lịch khoa học, văn bản xác nhận, văn bản chứng minh....” có nội dung dẫn chiếu áp dụng khoản 4, 5, 6, 7, 10 Điều 5 Thông tư 08/2017/TT-BKHCN (đây là nội dung quy định đối với tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia và biểu cũng là ở cấp quốc gia). Đề nghị phải được cụ thể hóa đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và ký hiệu, nội dung của biểu cần phù hợp và thống nhất chung đối với tỉnh. Cần phải xác định kéo dài thời gian báo giá tính đến thời điểm nộp hồ sơ cho phù hợp với cấp tỉnh (Lý do là ở cấp tỉnh thời gian thực hiện thực tế khác với ở cấp Trung ương).

- *Điều 14. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ:*

+ *Khoản 1:* Đề nghị xem lại nội dung quy định trong khoản này theo hướng phản biện ở khoản 2 Điều 8. Thống nhất nội dung quy định: Có ít nhất 02 thành viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

+ *Khoản 2:* Cần phải quy định cụ thể trong quy định này vì khoản 2 Điều 8 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN quy định đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia.

- *Điều 15. Tiêu chí, thang điểm đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ:* Thống nhất như các nội dung đã trình bày trong dự thảo. Tuy nhiên, cần phải rà soát đối chiếu với quy định hiện hành về quy định thang điểm trong đánh giá nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh để tránh sự sai khác quá lớn trong cách đánh giá nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đã ban hành.

- *Điều 16. Nguyên tắc, trình tự và nội dung làm việc của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ:*

+ *Khoản 1. Nguyên tắc làm việc của hội đồng:* Thống nhất như dự thảo. Tuy nhiên, cần bổ sung mẫu giấy ủy quyền kèm theo Quy định này khi Chủ tịch Hội đồng ủy quyền cho phó chủ tịch Hội đồng.

+ *Khoản 2. Trình tự và nội dung làm việc của hội đồng:* Điểm (a): Quy định trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng mới tổ chức họp Hội đồng là quá dài, chỉ nên quy định sau 7-10 ngày (Thông tư 03/2021/TT-BKHCN chỉ quy định có 15 ngày kể từ khi lập biên bản mở hồ sơ). Về trình tự và nội dung làm việc Hội đồng cần cụ thể hóa trên cơ sở vận

dụng quy định tại Điều 11 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN để đảm bảo sự thống nhất của văn bản này.

+ *Khoản 3. Hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của hội đồng: Điểm (a):* Đề nghị thống nhất lại mốc thời gian kể từ ngày họp hội đồng mà không phải là ngày hội đồng thông qua biên bản thì Sở KH&CN phải thông báo kết quả cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm vụ về kết quả họp Hội đồng.

- *Điều 18. Tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ:* Tại Khoản 2 cần cụ thể rõ điều kiện đối với chuyên gia tư vấn độc lập, thủ tục lấy ý kiến và trách nhiệm của chuyên gia tư vấn độc lập đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trên cơ sở vận dụng những quy định phù hợp với điều kiện cấp tỉnh trong quy định tại Điều 18, khoản 2 Điều 19 và Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN.

- *Điều 19. Thẩm định nội dung và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ:* Tại khoản 1 cần phải xem xét và cân nhắc kỹ nội dung quy định về Tổ thẩm định và các chức danh tham gia tổ thẩm định bảo tính khách quan, đề cao trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị chuyên môn giúp việc của Sở KH&CN (PGĐ Sở KH&CN phụ trách lĩnh vực, 01 lãnh đạo Văn phòng Sở phụ trách kế hoạch tài chính, 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ, 01 thành viên là đại diện của Sở Tài chính và 01 thành viên là đại diện cho Phòng chuyên môn được giao quản lý nhiệm vụ của Sở KH&CN không nhất thiết phải có cả Giám đốc, Phó giám đốc sở tham gia tổ thẩm định). Đồng thời điều chỉnh lại nội dung làm việc, nhiệm vụ và trình tự làm việc của Tổ thẩm định trên cơ sở vận dụng các quy định tại Điều 13 và Điều 14 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN cho phù hợp với cách trình bày chung của văn bản này.

3.4. Chương 4. Ký kết hợp đồng, kiểm tra và điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

- *Điều 23. Kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ:*

+ *Khoản 1:* Việc quy định báo cáo định kỳ (6 tháng và hằng năm) của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm vụ tính từ ngày họp đồng thực hiện nhiệm vụ có hiệu lực là không có cơ sở, bởi lẽ đây là nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước nên cần phải quy định như quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư 03/2021/TT-BKHHCN mới đảm bảo công bằng giữa cơ quan quản lý và tổ chức thực hiện (tính từ ngày phát sinh số dư tài khoản để thực hiện nhiệm vụ).

+ *Khoản 2:* Quy định “Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện nơi có nhiệm vụ triển khai trên địa bàn tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ”. Quy định như vậy chưa rõ việc “phối hợp” sẽ được tiến hành như thế nào và có cần thiết đến nhiều cơ quan như vậy không, do vậy nên quy định sát thực tế và khả thi và phải thống nhất với điểm c) Thành phần tham gia kiểm tra tại khoản 3 Điều này. Đồng thời đề nghị nghiên cứu viết lại cho chính xác cụm từ “...phối hợp với các sở, ngành liên quan...” thành “...phối hợp với sở, ngành...” bỏ liên quan vì phải là chủ thể, không phải là liên quan.

+ *Khoản 3:*

(i) Tại điểm a: Đề nghị bổ sung nội dung “kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ”.

(ii) Tại điểm b. Thời gian kiểm tra: Đề nghị sửa lại nội dung này cho phù hợp về mốc tính ngày kiểm tra 06 tháng/lần không phải là kể từ ngày hợp đồng thực hiện nhiệm vụ có hiệu lực mà phải là kể từ ngày phát sinh số dư tài khoản thực hiện nhiệm vụ lần đầu. Việc kiểm tra đột xuất không chỉ thực hiện theo yêu cầu của Sở KH&CN (không phải của Giám đốc) mà còn cả theo yêu cầu của UBND tỉnh. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung này cho phù hợp với quy định hiện hành.

(iii) Tại điểm c. Thành phần tham gia kiểm tra: Cần xác định rõ chức danh của đoàn không đưa chức danh kép vào thành phần của đoàn; đối với thành phần khác ngoài yêu cầu của Sở KH&CN cần bổ sung yêu cầu của UBND tỉnh. Đề nghị nghiên cứu bổ sung 01 cán bộ làm công tác quản lý tài chính của Sở KH&CN tham gia đoàn kiểm tra (ngoài các thành phần đã được quy định trong Dự thảo).

(iv) Tại điểm d và đ (Trình tự kiểm tra, xử lý kết quả): Nội dung trong dự thảo có dẫn chiếu áp dụng theo một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN, đề nghị nghiên cứu để có điều chỉnh hoặc chú dẫn để tránh hiểu nhầm khi vận dụng.

- Điều 25, 26, 27: Các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 của Điều 25 đều có dẫn chiếu áp dụng theo các điều 13, 14, 15, 18 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN; tương tự tại Điều 26 đều có dẫn chiếu áp dụng theo các điều 19, 20, 21 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN; tại Điều 27 đều có dẫn chiếu áp dụng theo các điều 21, 22 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN. Đề nghị nghiên cứu kỹ các nội dung quy định tại các điều dẫn chiếu của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN để thiết lập nội dung trong các điều 25, 26, 27 của Quy định này cho phù hợp với đối tượng điều chỉnh, dễ hiểu, dễ thực hiện.

3.5. Chương 4. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện:

- Từ điều 28 đến điều 38 của dự thảo Quy định được xây dựng dựa trên các nội dung quy định tại các điều từ 34 - 44 của Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN, vì vậy Hội đồng phản biện cơ bản thống nhất về nội dung. Tuy nhiên, trong nhiều khoản của một số điều có nội dung dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại các Thông tư: số 02/2020/TT-BKHHCN, số 09/2014/TT-BKHHCN, số 11/2014/TT-BKHHCN, số 14/2014/TT-BKHHCN của Bộ KH&CN, Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC và Nghị định số 70/2018/NĐ-CP... cần được rà soát lại các nội dung quy định trong các thông tư, nghị định để đảm bảo thống nhất với đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng của Quy định này.

- Điều 34. Nội dung đánh giá và xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của hội đồng.

+ Về đánh giá và xếp loại: Tại điểm b khoản 2 quy định “Nghiệm thu” trong đó gồm các mức: Đạt yêu cầu, Khá, Xuất sắc. Việc đánh giá nghiệm thu là căn cứ vào Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN (xếp loại như trên); tuy nhiên, quy định về nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, cấp nhà nước thì không có loại **Khá**; Vì vậy, đề nghị cần hợp nhất các văn bản của Bộ KH&CN về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp nhà nước với các nhiệm vụ KHCN thuộc chương trình hỗ trợ tài sản trí tuệ. Bên cạnh đó, **Báo cáo tự đánh giá kết quả** thực hiện nhiệm vụ KH&CN (mẫu 14...) lại chỉ có 3 loại: Xuất sắc, Đạt, Không đạt, không có loại Khá. Phiếu nhận xét, đánh giá kết quả... (B16...): (1) Không nghiệm thu; (2) Nghiệm thu với mức đánh giá kết quả có 3 loại: Đạt yêu cầu; **Khá**; Xuất sắc.

- Điều 39: Đề nghị sửa khoản 1: “Khi các văn bản viện dẫn trong Quy định này thay đổi, các nội dung có liên quan áp dụng theo văn bản thay thế, sửa đổi bổ sung tương ứng” thành: “Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới” cho phù hợp với Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

III. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN

1. Đề nghị chuẩn bị Báo cáo phục vụ xây dựng Quy định cần chi tiết, cụ thể hơn: Lý giải vì sao có sự khác biệt về thời gian áp dụng của văn bản này và các văn bản trước đó UBND tỉnh đã ban hành; đề xuất hướng xử lý và giải quyết để tránh sự không phù hợp (mâu thuẫn) giữa các văn bản; Phân tích lý giải vì sao lại xây dựng quy định mới mà không thực hiện theo hướng mà khoản 2 Điều 45 của Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN của Bộ KH&CN quy định là Hướng dẫn thực hiện (theo hướng bổ sung thêm những nội dung còn thiếu mà văn bản quy định hiện hành của UBND tỉnh chưa quy định). Phân tích làm rõ và giải trình nội dung áp dụng trong Quy định: về số chương, điều; về tên chương, điều; về lý do giới hạn quy định nội dung; lý giải những quy định khác với quy định trong Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN và các thông tư khác của Bộ KH&CN, Liên bộ, Nghị định Chính phủ đã ban hành.

2. Đề nghị nghiên cứu chuẩn hóa và thống nhất cách thể hiện trong toàn bộ Dự thảo Quy định về cách xử lý các văn bản dẫn chiếu mà ở đó có những quy định không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này; Bổ sung đầy đủ thêm các biểu bảng mẫu cần thiết để hoàn chỉnh Quy định.

3. Đây là quy định mới, khó và nhiều nội dung nên cần rà soát kỹ để tránh bỏ sót nội dung gây khó khăn cho công tác quản lý. Cần chú ý nội hàm được quy định trong các văn bản dẫn chiếu của Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN để cụ thể hóa trong Quy định này. Bằng việc thực tế đã triển khai chương trình phát triển tài sản trí tuệ thời gian qua, cần nghiên cứu làm rõ các đặc thù, đặc điểm của nhiệm vụ KH&CN phát triển tài sản trí tuệ khác với các nhiệm vụ KH&CN trong hoạt động KH&CN khác như thế nào (về quy mô tài chính, quy mô công việc, độ rủi ro... tính lý thuyết, tính cơ bản, tính ứng dụng, tính thiết thực kinh tế...) làm cơ sở đề xuất cơ chế, biện pháp quản lý nhiệm vụ KH&CN phát triển tài sản trí tuệ phù hợp (đơn giản, khả thi) và cũng từ đó có thể kiến nghị sự phân cấp, ủy quyền quản lý giữa UBND tỉnh với Sở KH&CN và với cơ quan khác như Hội đồng KH&CN tỉnh để không tạo ra các thủ tục rườm rà, phức tạp, nhiều tầng nấc làm nản lòng những người thụ hưởng chính sách và vất vả thời gian vật chất của cơ quan quản lý Nhà nước.

4. Đề nghị rà soát, chỉnh lại format, kiểu chữ, cách đánh số mục, tiểu mục trong dự thảo cho thống nhất theo quy định. Một số nội dung còn viết trùng lặp, nhiều lỗi chính tả, lỗi viết câu, dùng từ, lỗi viết hoa ...đề nghị chỉnh sửa lại cho đúng. Nội dung trong các phần cần được rà soát, bổ sung, chỉnh sửa lại nội hàm trong từng phần; lựa chọn cụm từ, văn phong thích hợp trong nhận xét đánh giá và các nội dung trình bày.

5. Cần bổ sung ở Chương I. Quy định chung thêm nội dung giải thích từ ngữ về: (i) Tài sản sở hữu trí tuệ; (ii) Nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình phát triển tài sản sở hữu trí tuệ nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện sau khi Quy định được ban hành.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận:

Dự thảo Quy định đã được tổ chức nghiên cứu xây dựng khẩn trương, nghiêm túc, phù hợp với nhiệm vụ được giao. Nội dung chuẩn bị của dự thảo đã có đủ điều kiện để có thể giúp cho việc hoàn thiện xây dựng Quy định trên cơ sở tiếp thu ý kiến Hội đồng phản biện, ý kiến góp ý của các sở, ngành có liên quan.

2. Đề nghị:

Để thống nhất với tên nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Sở KH&CN cần nghiên cứu bổ sung vào nội dung Quy định đề nghị phản biện và hoàn thiện theo hướng: Phương án 1 là xây dựng “Quy định quản lý chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa đến 2030” để phù hợp với Thông tư số 75/TT-BTC của Bộ Tài chính và Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN của Bộ KH&CN, gồm 2 phần: Phần thứ nhất “Quy định quản lý đối với các hoạt động chung và nhiệm vụ thường xuyên thực hiện Chương trình”; Phần thứ hai “Quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”. Phương án 2: Trong trường hợp thực hiện Phương án 1 gặp nhiều khó khăn thì đề nghị tham mưu thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN là ban hành văn bản “Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thuộc Chương trình”.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang (để b/c);
- Sở KH&CN;
- Thường trực LHH;
- Hội đồng phản biện;
- Lưu VT, VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phát